

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
VĂN PHÒNG QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO

CẨM NANG

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025 (PHẦN 3)



HÀ NỘI
2024

MỤC LỤC

Phần thứ nhất. VĂN BẢN VỀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2021-2025	1
A. Văn bản quy phạm pháp luật	1
B. Công bố thủ tục hành chính về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	1
C. Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	2
D. Hướng dẫn, đôn đốc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023	2
Đ. Đánh giá chuẩn nghèo do 09 địa phương ban hành	3
E. Hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024	3
Phần thứ hai. VĂN BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025	4
A. Phê duyệt chủ trương, ban hành Chương trình	4
B. Quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình	4
C. Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025	6
D. Quy định, hướng dẫn về huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025	6
Phần thứ ba. VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025	8
A. Chủ trương, đường lối	8
B. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Chương trình	8
C. Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	9
D. Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025	9
Đ. Giao mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện Chương trình	10
E. Giao dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ vốn năm 2024	10
G. Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Chương trình hằng năm	11
H. Trả lời kiến nghị của địa phương tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ	12
I. Trả lời kiến nghị của địa phương tại Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng Chính phủ	13
K. Trả lời kiến nghị của bộ, ngành, địa phương trong 05 tháng đầu năm 2024	14
Phần thứ tư. VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO THƯỜNG XUYÊN	19
Phần thứ năm. VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG	21

DANH MỤC VĂN BẢN
VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025
(tính đến 31/5/2024)

Phần thứ nhất. VĂN BẢN VỀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

2. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

3. Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

4. Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

5. Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

B. Công bố thủ tục hành chính về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1. Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành

chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

C. Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1. Quyết định số 576/QĐ-LĐTBXH ngày 18/5/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

2. Quyết định số 125/QĐ-LĐTBXH ngày 22/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020.

3. Quyết định số 582/QĐ-LĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

4. Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH ngày 19/01/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

5. Quyết định số 134/QĐ-LĐTBXH ngày 31/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

D. Hướng dẫn, đôn đốc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023

Văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Công văn số 2113/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 năm 2023 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Công văn số 5095/LĐTBXH-VPQGGN ngày 27/11/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát, đánh giá chuẩn nghèo do các địa phương ban hành.

3. Công văn số 5617/LĐTBXH-VPQGGN ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đôn đốc báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

4. Công văn số 172/LĐTBXH-VPQGGN ngày 11/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đôn đốc báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 (lần 2).

Văn bản của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo

5. Công văn số 726/CV-VPQGGN ngày 22/11/2023 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về việc báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

6. Công văn số 805/CV-VPQGGN ngày 21/12/2023 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về việc báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

7. Công văn số 06/CV-VPQGGN ngày 03/01/2024 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về việc đôn đốc báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

D. Đánh giá chuẩn nghèo do 09 địa phương ban hành

1. Công văn số 5095/LĐTBXH-VPQGGN ngày 27/11/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát, đánh giá chuẩn nghèo do địa phương ban hành.

2. Công văn số 1295/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 28/3/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát, đánh giá chuẩn nghèo do địa phương ban hành.

3. Công văn số 2659/VPCP-KGVX ngày 22/4/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát đánh giá chuẩn nghèo do các địa phương ban hành.

4. Công văn số 225/CV-VPQGGN ngày 25/4/2024 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về rà soát đánh giá chuẩn nghèo do địa phương ban hành.

E. Hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024

1. Công văn số 1935/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024.

Phần thứ hai. VĂN BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. Phê duyệt chủ trương, ban hành Chương trình

1. Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

B. Quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình

Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

4. Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2024*).

5. Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

6. Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

7. Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

8. Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH (*hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2024*).

9. Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH (*Công văn số 2450/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 11/6/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đính chính Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH*).

10. Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2024*).

Văn bản của Bộ Xây dựng

11. Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông

12. Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Văn bản của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

13. Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Văn bản của Bộ Tài chính

14. Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn

ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023*).

15. Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2023*).

Văn bản của Bộ Y tế

16. Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*hết hiệu lực kể từ ngày 06/9/2023*).

17. Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

C. Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

1. Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Quyết định số 18/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 27/01/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

3. Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

4. Quyết định số 466/QĐ-TTg ngày 30/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

D. Quy định, hướng dẫn về huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025

1. Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nghèo và tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

2. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

3. Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

4. Công văn số 306/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

5. Công văn số 831/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/3/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đơn đốc, triển khai Kế hoạch hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 và giải ngân vốn đầu tư công.

6. Công văn số 3016/LĐTBXH-VPQGGN ngày 04/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đối với huyện, xã hình thành sau sắp xếp.

7. Công văn số 679/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 22/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc điều chỉnh danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

**Phần thứ ba. VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

A. Chủ trương, đường lối

1. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

2. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

3. Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

4. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

5. Quyết định số 314/QĐ-LĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

B. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Chương trình

1. Chương trình phối hợp số 109/CTr-BLĐTBXH-MTTQ ngày 11/01/2023 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Công văn số 393/LĐTBXH-VPQGGN ngày 16/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng, triển khai Chương trình phối hợp.

3. Công văn số 777/CV-VPQGGN này 13/12/2023 của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo báo cáo Chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Báo cáo số 150/BC-LĐTBXH ngày 27/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả 09 tháng đầu năm 2023 thực hiện Chương trình phối hợp số 109/CTr-BLĐTBXH-MTTQ ngày 11/01/2023 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

5. Báo cáo số 67/BC-BLĐTBXH ngày 14/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả thực hiện giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 năm 2023 và Quý I năm 2024.

C. Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Quyết định số 87/QĐ-LĐTBXH ngày 10/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Quyết định số 88/QĐ-TCTCTMTQGGBNV ngày 10/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy chế hoạt động của Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Quyết định số 102/QĐ-LĐTBXH ngày 08/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thay đổi thành viên thường trực Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Quyết định số 1238/QĐ-LĐTBXH ngày 21/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh đổi thành viên Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

D. Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025

1. Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

2. Công văn số 2150/LĐTBXH-VPQGGBNV ngày 23/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

3. Hướng dẫn số 2357/HD-BTĐKT ngày 31/8/2022 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn khen thưởng thành tích trong Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025.

D. Giao mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện Chương trình

1. Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4. Công văn số 125/TTg-QHĐP ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền thông báo mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 của các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Công văn số 276/TTg-QHĐP ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 của địa phương trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Công văn số 747/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 27/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

E. Giao dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ vốn năm 2024

1. Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

2. Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.

3. Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025,

giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”.

4. Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

6. Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

G. Hướng dẫn, đơn đốc thực hiện Chương trình hằng năm

1. Công văn số 5094/LĐTBXH-VPQGGN ngày 31/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2021.

2. Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 15/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2022.

3. Công văn số 5339/LĐTBXH-VPQGGN ngày 26/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2023.

4. Công văn số 277/LĐTBXH-VPQGGN ngày 06/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đơn đốc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

5. Công văn số 2113/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 năm 2023 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Thông báo số 5574/TB-LĐTBXH ngày 26/12/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo Kết luận của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

7. Công văn số 87/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024.

8. Công văn số 2392/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 06/6/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024.

H. Trả lời kiến nghị của địa phương¹ tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ

1. Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Công văn số 521/LĐTBXH-VPQGGN ngày 22/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời các vướng mắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Công văn số 951/LĐTBXH-VL ngày 22/3/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị vướng mắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Công văn số 1197/LĐTBXH-TCGDNN ngày 05/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

5. Công văn số 1812/BKHĐT-TCTT ngày 15/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Yên Bái.

6. Công văn số 1816/BKHĐT-TCTT ngày 15/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Bắc Giang.

7. Công văn số 1823/BKHĐT-TCTT ngày 15/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Quảng Ninh.

8. Công văn số 1834/BKHĐT-TCTT ngày 15/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Đắk Nông.

9. Công văn số 1976/BTC-ĐT ngày 02/3/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc của các địa phương về thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

10. Công văn số 2770/BTC-NSNN ngày 27/3/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

11. Công văn số 2807/BTC-HCSN ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc của địa phương về triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

¹ Liên quan đến thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

12. Công văn số 4854/BTC-CST ngày 15/5/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc về công trình các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

13. Công văn số 1288/BYT-BM-TE ngày 13/3/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn chuyên môn thực hiện Cải thiện dinh dưỡng thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

14. Công văn số 1645/BYT-YDCT ngày 27/3/2023 của Bộ Y tế về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

15. Công văn số 1690/BYT-BM-TE ngày 28/3/2023 của Bộ Y tế trả lời ý kiến của Sở Y tế thành phố Cần Thơ về hoạt động chuyên môn thực hiện Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

16. Công văn số 926/BXD-GĐ ngày 14/3/2023 của Bộ Xây dựng trả lời kiến nghị của tỉnh Tuyên Quang.

17. Công văn số 1003/BXD-QLN ngày 20/3/2023 của Bộ Xây dựng trả lời kiến nghị của thành phố Cần Thơ.

1. Trả lời kiến nghị của địa phương² tại Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng Chính phủ

1. Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trực tuyến với các địa phương về sơ kết tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

2. Công văn số 4114/LĐTBXH-VPQGGN ngày 29/9/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của địa phương theo Thông báo số 392/TB-VPCP.

3. Công văn số 8202/BKHĐT-TCTT ngày 04/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn, trả lời kiến nghị của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

4. Công văn số 10696/BTC-NSNN ngày 05/10/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo Thông báo số 392/TB-VPCP.

² Liên quan đến thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

5. Công văn số 11449/BTC-HCSN ngày 19/10/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc của địa phương về triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo Thông báo số 392/TB-VPCP.

6. Công văn số 12609/BTC-ĐT ngày 16/11/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời kiến nghị tỉnh Hà Giang.

7. Công văn số 7465/BNN-KTHT ngày 18/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giải quyết kiến nghị của địa phương.

8. Công văn số 4982/BTTTT-KHTC ngày 29/9/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ý kiến đối với kiến nghị thiết lập Cụm thông tin điện tử công cộng tại cửa khẩu quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

9. Công văn số 7547/NHNN-TD ngày 28/9/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc trả lời kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia.

10. Công văn số 7776/NHCS-TDNN ngày 28/9/2023 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc trả lời kiến nghị của địa phương theo Thông báo số 392/TB-VPCP.

K. Trả lời kiến nghị của bộ, ngành, địa phương trong 05 tháng đầu năm 2024

Văn bản của Thủ tướng Chính phủ

1. Công văn số 132/TTg-KGVX ngày 16/02/2024 (trả lời kiến nghị của đại biểu Quốc hội Văn Thị Bạch Tuyết Đoàn ĐBQH thành phố Hồ Chí Minh).

Văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

2. Công văn số 124/LĐTBXH-VP ngày 10/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng).

3. Công văn số 125/LĐTBXH-VP ngày 10/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Hòa Bình).

4. Công văn số 311/LĐTBXH-VP ngày 18/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng).

5. Công văn số 312/LĐTBXH-VP ngày 18/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Lắk).

6. Công văn số 313/LĐTBXH-VP ngày 18/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Hà Nam).

7. Công văn số 314/LĐTBXH-VP ngày 18/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Hà Tĩnh, Bình Định).

8. Công văn số 315/LĐTBXH-VP ngày 18/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An).

9. Công văn số 316/LĐTBXH-VP ngày 18/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH thành phố Hồ Chí Minh và Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Phước).

10. Công văn số 338/LĐTBXH-VP ngày 19/01/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Cao Bằng).

11. Công văn số 339/LĐTBXH-VP ngày 19/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận).

12. Công văn số 356/LĐTBXH-VP ngày 19/01/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH thành phố Hải Phòng).

13. Công văn số 550/BLĐTBXH-VP ngày 05/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Điện Biên).

14. Công văn số 566/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 07/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Điện Biên).

15. Công văn số 584/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 15/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Kon Tum).

16. Công văn số 585/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 15/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Hà Giang, Lạng Sơn, Gia Lai, Kon Tum).

17. Công văn số 586/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 15/02/2024 (trả lời kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

18. Công văn số 749/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 28/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn).

19. Công văn số 772/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 28/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

20. Công văn số 779/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 29/02/2024 (trả lời kiến nghị của Tỉnh ủy Lâm Đồng).

21. Công văn số 877/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 06/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Bình Định).

22. Công văn số 895/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 07/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Vĩnh Long).

23. Công văn số 958/BLĐTBXH-VP ngày 11/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Thanh Hóa, Sóc Trăng, Hà Tĩnh).

24. Công văn số 960/BLĐTBXH-VP ngày 11/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Lạng Sơn).

25. Công văn số 1043/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 15/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Cao Bằng).

26. Công văn số 1044/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 15/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Bắc Kạn).

27. Công văn số 1119/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 20/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Bến Tre).

28. Công văn số 1161/BLĐTBXH-VP ngày 21/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Thanh Hóa).

29. Công văn số 1187/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 22/3/2024 (trả lời kiến nghị của UBND các tỉnh: Bắc Kạn, Bạc Liêu, Cao Bằng, Đắk Lắk, Phú Thọ).

30. Công văn số 1198/BLĐTBXH-VP ngày 22/3/2024 (trả lời kiến nghị của Đoàn ĐBQH tỉnh Sóc Trăng).

31. Công văn số 1344/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 02/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn).

32. Công văn số 1355/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 03/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Sơn La, Hòa Bình).

33. Công văn số 1522/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 11/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Nghệ An, Lâm Đồng, Tây Ninh, Cà Mau, Hưng Yên, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Nghệ An).

34. Công văn số 1523/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 11/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Sơn La).

35. Công văn số 1574/BLĐTBXH-VP ngày 15/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Yên Bái).

36. Công văn số 1575/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 15/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Lạng Sơn).

37. Công văn số 1830/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 03/5/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Hòa Bình).

38. Công văn số 2176/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 23/5/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Thanh Hóa).

39. Công văn số 2288/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 29/5/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh An Giang, Đắk Lắk, Vĩnh Long).

40. Công văn số 2294/BLĐTBXH-VPQGGN ngày 30/5/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Vĩnh Long).

Văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

41. Công văn số 1361/BKHĐT-TCTT ngày 27/02/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Thanh Hóa).

42. Công văn số 4051/BKHĐT-TCTT ngày 28/5/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

43. Công văn số 4096/BKHĐT-TCTT ngày 29/5/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

Văn bản của Bộ Tài chính

44. Công văn số 240/BTC-NSNN ngày 08/01/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Lạng Sơn).

45. Công văn số 526/BTC-HCSN ngày 12/01/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Lâm Đồng).

46. Công văn số 1943/BTC-HCSN ngày 23/02/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Phú Yên).

47. Công văn số 3638/BTC-HCSN ngày 05/4/2024 (trả lời kiến nghị của UBND tỉnh Bến Tre).

48. Công văn số 5021/BTC-HCSN ngày 15/5/2024 (trả lời kiến nghị của Sở TTTT tỉnh Cà Mau).

Văn bản của Bộ Xây dựng

49. Công văn số 126/BXD-QLN ngày 08/01/2024 (phối hợp trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Cao Bằng).

Văn bản của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo

50. Công văn số 71/CV-VPQGGN ngày 30/01/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Bắc Giang).

51. Công văn số 95/CV-VPQGGN ngày 22/02/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Vĩnh Long).

52. Công văn số 97/CV-VPQGGN ngày 22/02/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Long An).

53. Công văn số 110/CV-VPQGGN ngày 29/02/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Tiền Giang).

54. Công văn số 132/CV-VPQGGN ngày 11/3/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐT BXH tỉnh Quảng Nam).

55. Công văn số 145/CV-VPQGGN ngày 14/3/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐTBXH tỉnh Thừa Thiên Huế).

56. Công văn số 159/CV-VPQGGN ngày 25/3/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐTBXH tỉnh Long An).

57. Công văn số 207/CV-VPQGGN ngày 12/4/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐTBXH tỉnh Phú Yên).

58. Công văn số 211/CV-VPQGGN ngày 17/4/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐTBXH tỉnh Bình Định).

59. Công văn số 234/CV-VPQGGN ngày 26/4/2024 (trả lời kiến nghị của Sở LĐTBXH tỉnh Tiền Giang).

Phần thứ tư. VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO THƯỜNG XUYÊN

1. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

2. Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (bao gồm các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế).

3. Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

4. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.

5. Luật Giáo dục năm 2019.

6. Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 30/10/2014 của Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện.

7. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm.

8. Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

9. Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

10. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

11. Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

12. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

13. Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

14. Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

15. Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

16. Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

17. Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

18. Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 26/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

19. Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

20. Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 30/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên.

21. Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

22. Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

23. Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

24. Công văn số 866/NHCS-TDNN ngày 22/02/2019 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc nâng mức cho vay và thời hạn cho vay.

Phần thứ năm. VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG

1. Cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

a) Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

c) Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

d) Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

2. Cho vay học sinh sinh viên

a) Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

b) Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

3. Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

a) Luật Việc làm năm 2013.

b) Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

c) Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

4. Cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

a) Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

b) Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

5. Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

a) Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

b) Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

6. Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

a) Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

b) Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

7. Cho vay người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

a) Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

b) Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

c) Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

8. Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở

a) Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

b) Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

9. Cho vay hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương

a) Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

b) Quyết định số 02/2020/QĐ-TTg ngày 10/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

10. Cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù

Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT



**GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU, BAO TRÙM, BỀN VỮNG,
HẠN CHẾ TÁI NGHÈO VÀ PHÁT SINH NGHÈO**



**HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, HỘ NGHÈO VƯỢT LÊN MỨC SỐNG TỐI
THIỂU, TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ CƠ BẢN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
CUỘC SỐNG**



**HỖ TRỢ CÁC HUYỆN NGHÈO, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN,
VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THOÁT KHỎI
TÌNH TRẠNG NGHÈO, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

MỤC TIÊU CỤ THỂ

**BÌNH QUÂN CẢ NƯỚC
GIẢM 1,0 - 1,5%**


**GIẢM TỶ LỆ
HỘ NGHÈO
(THEO CHUẨN NGHÈO
ĐA CHIỀU)**

**HỘ NGHÈO DÂN TỘC
GIẢM TRÊN 3%**

**HỘ NGHÈO CÁC HUYỆN
GIẢM TỪ 4 - 5%/NĂM**

**30% HUYỆN THOÁT NGHÈO
30% XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN,
BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
THOÁT ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**